TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 12-3-2020
V/V "Ly hôn giữa bà D và ông T".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 313/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị D. Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Long An.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Phước T. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2019 và trong quá trình xét xử bà Huỳnh Thị D là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Phước T chung sống với nhau từ năm 1999 không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T mỗi khi có rượu ông T hay đánh đập bà. Bà và ông T không chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Huỳnh Thị Kim D, sinh ngày 15/11/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Phước T là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà D yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Ông T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông T không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Bà D và ông T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, vì vậy cần không công nhận quan hệ giữa bà D và ông T là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, 19, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Huỳnh Thị Kim D, sinh ngày 15/11/2000 (đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 14, 19, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị D đối với ông Nguyễn Phước T.

2. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000183 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí